

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày 19-01-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Thiện;
- Ông Võ Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ông Lê Tuấn Kiệt – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Thông báo số 01/2024/TB-TA ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Lương Hữu N** sinh năm 12-11-1988; tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký HKTT: Khu phố L, phường LT, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Hữu M, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Huỳnh Lệ H, sinh năm 1965; tiền án: Bản án số 27/2011/HS-ST ngày 26-5-2011 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt Lương Hữu N 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 04-3-2018; Bản án số 26/2021/HS-ST ngày 24-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Lương Hữu N 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 28-02-2023; tiền sự: Không có;

nhân thân: Quyết định số 25/2018/QĐ-TA ngày 17-7-2018 của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 30-5-2019; Quyết định số 945/QĐ-XPHC ngày 03-12-2019 của Công an thị trấn Hoà Thành, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nộp phạt ngày 17-12-2019; đã xóa tiền sự; bị bắt tạm giam ngày 06-6-2023 cho đến nay; có mặt.

2. **Trần Văn P**, sinh ngày 25-02-1991, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp TH, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1969; có vợ là Phạm Thị Kim T, sinh năm 1992 và 02 người con; tiền án: Không có; tiền sự: Quyết định số 101/QĐ-XPHC ngày 09-11-2022 của Công an xã Truông Mít, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nộp phạt ngày 05-12-2022; nhân thân: Quyết định số 39/2018/QĐ-TA ngày 27-9-2018 của Toà án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 30-7-2019; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-6-2023 cho đến nay; có mặt.

Trần Minh H, sinh ngày 05-01-1991, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký HKTT: Khu phố A, Thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp T, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh H1, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1967; có vợ là Bùi Thị L, sinh năm 1993; tiền án: Bản án số 55/2014/HS-ST ngày 20-6-2014 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương: Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt Trần Minh H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 25-9-2018, nộp án phí xong ngày 20-10-2014; Bản án số 60/2020/HS-ST ngày 04-12-2020 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Minh H 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 20-01-2023, nộp án phí xong ngày 02-3-2021, tiền sự: Không có; nhân thân: Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 27-9-2019 của Ủy ban nhân dân Thị trấn Dầu, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 27-12-2019; đã xóa tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-6-2023 cho đến nay; có mặt.

4. **Trần Quan V**, sinh ngày 10-3-1988, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp TH, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: C nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969; có vợ là Đỗ Thị Diệu H2, sinh năm 1996 và 01 người con; tiền án: Không có; tiền sự: Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 09-11-2022 của Công an xã Truong Mít, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nộp phạt ngày 05-12-2022; nhân thân: Quyết định số 90/QĐ-XPVPHC ngày 09-11-2021 của Công an xã Truong Mít, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nộp phạt ngày 11-11-2021; đã xóa tiền sự; bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác theo Quyết định khởi tố bị can số 139 ngày 30-8-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Hữu N:* Ông Đỗ Thanh T2, Luật sư Văn phòng luật sư L; thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Hữu N, Trần Văn P, Trần Quan V và Trần Minh H là những người nghiện ma túy. N và H đã tái phạm chưa được xóa án tích. Khoảng đầu tháng 04/2023, N thuê nhà trọ thuộc ấp TP, xã TM, Huyện D, để thuận tiện việc mua bán trái phép chất ma túy và có ma túy sử dụng. Ngày 20-5-2023, N đến khu vực Bến xe An Sương thuộc huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, mua 01 bịch ma túy với số tiền 5.000.000 đồng của người tên H3 không rõ lý lịch, rồi đem về phân ra thành nhiều phần nhỏ cất giấu để sử dụng và bán cho người nghiện. Khi người nghiện có nhu cầu mua ma túy sử dụng thì gọi điện thoại cho N. N đã bán ma túy cho H 01 lần và P 03 lần; sau khi mua ma túy của N thì P bán ma túy lại cho Dương Minh L 02 lần và Phạm Văn C 03 lần; cụ thể:

- Khoảng 11 giờ ngày 25-5-2023, H đi bộ đến nhà trọ của N mua của N 01 bịch ma túy với số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó, H đem về phòng trọ của H thuê thuộc ấp TP, xã TM, Huyện D, lấy một phần ma túy sử dụng, phần còn lại cất giấu đầu vồng. Đến 11 giờ 30 phút ngày 09-6-2023, Công an Huyện Dương Minh Châu kiểm tra bắt quả tang H cùng vật chứng thu giữ 01 bịch nylon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng (Kí hiệu M).

- Khoảng 21 giờ ngày 24-5-2023, P gọi điện thoại cho N, rồi đến nhà trọ của N mua 01 bịch ma túy với số tiền 1.400.000 đồng. Sau khi mua ma túy của N thì P bán ma túy cho L 02 lần, mỗi lần với số tiền 200.000 đồng vào cuối tháng 5/2023, tại nhà của P thuộc ấp TH, xã TM, Huyện D; P bán ma túy cho C 01 lần số tiền 1.400.000 đồng vào ngày 02-6-2023 tại nhà của C thuộc ấp TA, xã TM, Huyện D.

- Khoảng 20 giờ ngày 03-6-2023, P đến nhà trọ của N mua 01 bịch ma túy với số tiền 1.600.000 đồng. Sau khi mua ma túy của N thì P bán ma túy cho C số tiền 1.600.000 đồng vào ngày 04-6-2023, tại nhà của C.

- Khoảng 19 giờ ngày 05-6-2023, C gọi điện thoại cho P để hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy thì P kêu C chuyển tiền vào tài khoản và hẹn giao ma túy tại nhà của C. Sau khi nhận được tiền, P gọi điện thoại cho N hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy thì N kêu P chuyển tiền qua tài khoản. P chuyển cho N 1.500.000 đồng tiền mua ma túy và 500.000 đồng trả tiền nợ trước đó. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi V đến nhà của P thì P rủ V đến nhà trọ của N sử dụng ma túy thì V đồng ý. P điều khiển xe mô tô biển số 70H2-6671 chở V đến nhà trọ của N thì N lấy bạch ma túy đổ một ít ma túy vào bộ dụng cụ cùng sử dụng với P và V, số ma túy còn lại N bán cho P như đã thỏa thuận. Sau đó, P rủ V đi giao ma túy cho C thì V đồng ý. V điều khiển xe chở P trên đường đến nhà của C thì gặp Dương Minh L. P rủ L đến nhà của C chơi thì L đồng ý. Đến 22 giờ 10 phút cùng ngày, khi đến nhà của C, P định phân nhỏ bạch để chuẩn bị giao cho C thì bị Công an huyện Dương Minh Châu bắt quả tang P cùng vật chứng thu giữ 01 bạch nylon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng (Kí hiệu M). Sau đó, N bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình.

Kết luận giám định số 843/KL-KTHS ngày 12-6-2023 và số 876/KL-KTHS ngày 16-6-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 bạch nylon màu trắng được niêm phong (Kí hiệu M) thu giữ của bị cáo P gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 2,4052 (hai phẩy bốn không năm hai) gam; khối lượng hoàn lại sau giám định 2,2394 (hai phẩy hai ba chín bốn) gam.

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng bên trong 01 bạch nylon màu trắng được niêm phong (Kí hiệu M) thu giữ của bị cáo H gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,5015 (một phẩy năm không một năm) gam; khối lượng hoàn lại sau giám định 1,3031 (một phẩy ba không ba một) gam.

Kết quả xét nghiệm nước tiểu của V, N và P vào ngày 06-6-2023 thể hiện: Dương tính (Có sử dụng trái phép chất ma túy).

Về vật chứng thu giữ:

- 01 (một) bì thư đã được niêm phong ghi vụ số 843; có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh; bên trong có chứa chất ma túy loại Methamphetamine; có khối lượng 2,2394 gam (hai phẩy hai ba chín bốn gam).

- 01 (một) bì thư đã được niêm phong ghi vụ số 876; có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thị Tuyết Mai, trợ lý Thi Sĩ Phương và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh; bên trong có chứa chất ma túy loại Methamphetamine; có khối lượng 1,3031 gam (một phẩy ba không ba một gam).

- Thu giữ của bị cáo Trần Văn P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy, màu trắng, số IME 1: 355726095073459/01; số IME 2:

355727095073457; điện thoại đã qua sử dụng (không kiểm tra được IME máy); ngoài vỏ máy có số IMEL: 355248/08/7813771/9; số IMEL: 355249/08/781371/7.

- Thu giữ của bị cáo Lương Hữu N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, điện thoại đã qua sử dụng (không kiểm tra được IME máy).

Về kê biên tài sản: Các bị cáo không có tài sản riêng nên không tiến hành kê biên.

Cáo trạng số 85/CT-VKSDMC ngày 22-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu đã truy tố:

Bị cáo Lương Hữu N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Văn P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và “Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 258 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Minh H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Quan V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm b, q khoản 2 Điều 251; các điểm b, h khoản 2 Điều 255; các điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Hữu N với mức án: Từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng các điểm b khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 258; các điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn P với mức án: Từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 01 (một) năm tù đến 02 (hai) năm tù về tội “Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bị cáo N, bị cáo P theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh H với mức án từ 06 (sáu) năm tù đến 07 (bảy) năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quan V với mức án từ 02 (hai) năm tù đến 03 (ba) năm tù.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Hữu N trình bày:

Thống nhất về các tội danh và điều luật áp dụng như bản luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo N. Tuy vậy, thấy rằng bị cáo N không chủ động tổ chức cho các bị cáo khác sử dụng trái phép chất ma túy, không thu lợi từ việc này nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc hình phạt về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” cho bị cáo N.

Kiểm sát viên đối đáp:

Hành vi cung cấp chất ma túy để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác của bị cáo N đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo N: Bị cáo thừa nhận 02 tội danh của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội về chăm sóc cho mẹ bị bệnh ung thư.

- Bị cáo P: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo trở về thành người công dân tốt.

- Bị cáo H: Bị cáo hối hận và biết sai trái xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo V: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin giảm nhẹ hình phạt để về với gia đình, nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05-6-2023 và ngày 09-6-2023; vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Từ ngày 24-5-2023 đến ngày 05-6-2023 tại địa bàn xã Truong Mít, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị cáo N đã bán chất ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo H 01 lần với số tiền 1.000.000 đồng và bán cho bị cáo P 03 lần với tổng số tiền 4.500.000 đồng; bị cáo N đã tái phạm chưa được xoá án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý; nên đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại các điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05-6-2023, tại phòng trọ của bị cáo N thuê thuộc ấp TP, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; bị cáo N cung cấp chất ma túy, dụng cụ để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác, đó là bị cáo Trần Văn P và Trần Quan V. Do đó, hành vi này của bị cáo N đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “Đối với 02 người trở lên” và “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại các điểm b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Ngày 05-6-2023 bị cáo Trần Văn P sau khi mua được ma túy từ bị cáo N, bị cáo đã bán chất ma túy này cho Phạm Văn C, sinh năm: 1990; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, với số tiền 1.500.000 đồng; khi chuẩn bị phân nhỏ chất ma túy để giao cho C một phần chất ma túy và phần còn lại để bán cho người khác thì bị bắt quả tang thu giữ khối lượng 2,4052 gam, chất ma túy, loại Methamphetamine. Bị cáo P còn thừa nhận: Bán chất ma túy cho C thêm 02 lần khác vào ngày 02-6-2023 với số tiền 1.400.000 đồng và ngày 04-6-2023 với số tiền 1.600.000 đồng; bán chất ma túy cho Dương Minh L, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh 02 lần, mỗi lần với số tiền 200.000 đồng vào tháng 5 năm 2023; điều này phù hợp với lời trình bày của đối tượng C, L tại các biên bản lấy lời khai ngày 06-6-2023 (bút lục số 152, số 153, số 169, số 170). Hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời cũng trong ngày 05-6-2023, bị cáo P đã rủ rê bị cáo V cùng đi đến phòng trọ của bị cáo N để sử dụng chất ma túy và tại đây bị cáo P, V, N đã cùng sử dụng ma túy. Hành vi của bị cáo P đã cấu thành tội “Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 258 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05-6-2023, tại phòng trọ của bị cáo N; sau khi sử dụng ma túy do bị cáo N tổ chức, bị cáo V biết được bị cáo P mua ma túy của bị cáo N để bán lại cho Phạm Văn C và đã đồng ý điều khiển xe chở P đến nhà của C giao ma túy. Hành vi của bị cáo V cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo P; theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[2.4] Bị cáo H thừa nhận vào ngày 25-5-2023 đã mua chất ma túy của bị cáo N với số tiền 1.000.000 đồng; sau khi mua được chất ma túy bị cáo mang về phòng trọ của mình thuộc ấp TP, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh lấy ra một

phần sử dụng, phần còn lại cất giấu để tiếp tục sử dụng thì bị P hiện, bắt quả tang thu giữ khối lượng 1,5015 gam chất ma túy loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã tái phạm chưa được xoá án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý; do đó, bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Hội đồng xét xử xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; quá trình điều tra bị cáo N, P đã tự nguyện khai nhận các hành vi phạm tội trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo V có ông nội, ông ngoại là liệt sỹ, bà nội được phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Ma túy là hiểm họa của con người, cộng đồng và xã hội, là nguyên nhân làm gia tăng người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy và cũng là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác; các bị cáo ý thức được điều này nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Trong đó, bị cáo N, P phạm nhiều tội; tội phạm các bị cáo N, P, H thực hiện rất nghiêm trọng; bị cáo V phạm tội nghiêm trọng và có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy chưa được xoá; nhân thân các bị cáo xấu đều có hành vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy; do vậy, phải có mức hình phạt nghiêm và cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung; cũng như, đảm bảo yêu cầu của công tác phòng chống ma túy.

[5] Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Biện pháp tư pháp:

[6.1] Chất ma túy là vật chứng của vụ án phải tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Các điện thoại di động là công cụ sử dụng để trao đổi thực hiện hành vi phạm tội phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6.2] Số tiền thu lợi do phạm tội mà có phải buộc nộp sung ngân sách nhà nước, cụ thể: Bị cáo N phải nộp số tiền 5.500.000 đồng, bị cáo P phải nộp số tiền 4.900.000 đồng.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Lương Hữu N, Trần Văn P, Trần Quan V, Trần Minh H đã bị Công an Huyện Dương Minh Châu xử phạt hành chính; mỗi bị cáo số tiền 1.500.000 đồng; là có căn cứ.

[8] Kết quả xét nghiệm chất ma túy vào ngày 06-6-2023 đối với Phạm Văn C và Dương Minh L là âm tính; Cơ quan điều tra cũng không thu giữ được chất ma túy của C, của L; nên không có cơ sở xử lý.

[9] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Dương Minh Châu chưa xác định được họ tên và địa chỉ của đối tượng H3, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các điểm b, q khoản 2 Điều 251; các điểm b, h khoản 2 Điều 255; các điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lương Hữu N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lương Hữu N 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung bị cáo Lương Hữu N phải chấp hành 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06-6-2023.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 258; các điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn P 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 01 (một) năm tù về tội “Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung bị cáo Trần Văn P phải chấp hành 08 (tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-6-2023.

3. Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh H 06 (sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09-6-2023.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Quan V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Quan V 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

5. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

5.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bì thư đã được niêm phong ghi vụ số 843; có chữ ký của giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh; bên trong có chứa chất ma túy loại Methamphetamine; có khối lượng 2,2394 gam (hai phẩy hai ba chín bốn gam).

- 01 (một) bì thư đã được niêm phong ghi vụ số 876; có chữ ký của giám định viên Nguyễn Thị Tuyết Mai, trợ lý Thị Sĩ Phương và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh; bên trong có chứa chất ma túy loại Methamphetamine; có khối lượng 1,3031 gam (một phẩy ba không ba một gam).

5.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy, màu trắng, số IME 1: 355726095073459/01; số IME 2: 355727095073457; điện thoại đã qua sử dụng (không kiểm tra được IME máy); ngoài vỏ máy có số IMEL: 355248/08/7813771/9; số IMEL: 355249/08/781371/7.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, điện thoại đã qua sử dụng (không kiểm tra được IME máy).

5.3. Buộc bị cáo Lương Hữu N phải nộp số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm ngàn) đồng đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

5.4. Buộc bị cáo Trần Văn P phải nộp số tiền 4.900.000 (bốn triệu chín trăm ngàn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-11-2023).

6. Về án phí: Lương Hữu N, Trần Văn P, Trần Minh H, Trần Quan V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện Dương Minh Châu;
- C an Huyện Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H.Đương Minh Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thanh Tòng